

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	19,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	3.2%	-

	2024	
DT thuần	70.7	YoY ▼ 15.2 ▼ 17.7%
	tỷ VNĐ	

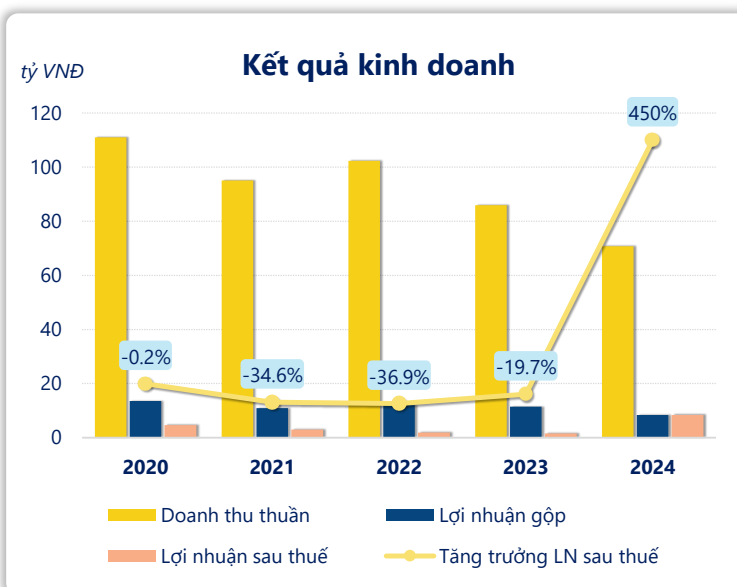
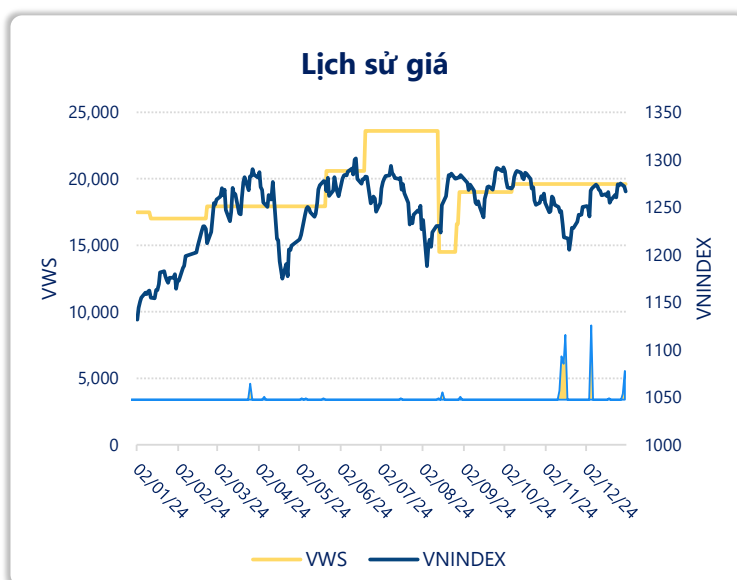
	2024	
LN gộp	8.41	YoY ▼ 3.09 ▼ 26.7%
	tỷ VNĐ	

	2024	
LN thuần	-2.42	YoY ▼ 3.94 ▼ 260%
	tỷ VNĐ	

	2024	
LN sau thuế	8.40	YoY ▲ 6.87 ▲ 450%
	tỷ VNĐ	

	2024	
ROE	16.1%	+/- YoY ▲ 13.2%

	2024	
ROA	7.9%	+/- YoY ▲ 6.5%

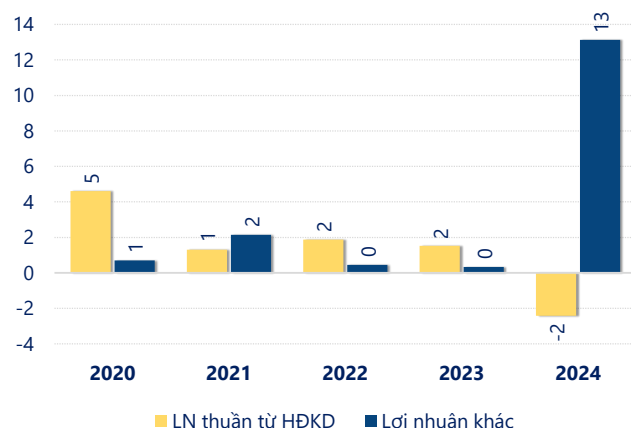


Năm **2024**, **VWS** ghi nhận doanh thu thuần **70.73** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **8.40** tỷ đồng, lần lượt **giảm 17.7%** và **tăng 450%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **16.1%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

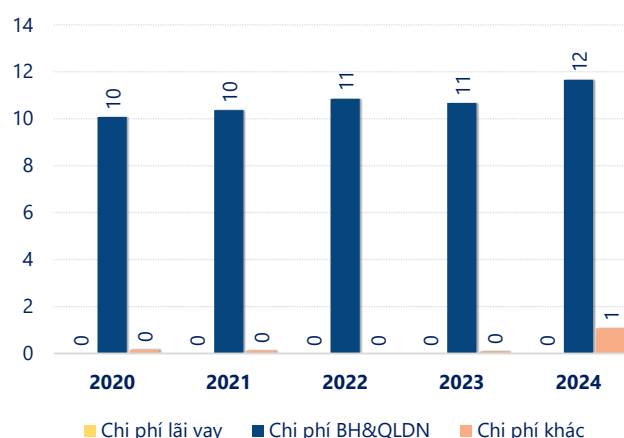
tỷ VNĐ

Cơ cấu lợi nhuận



tỷ VNĐ

Cơ cấu chi phí

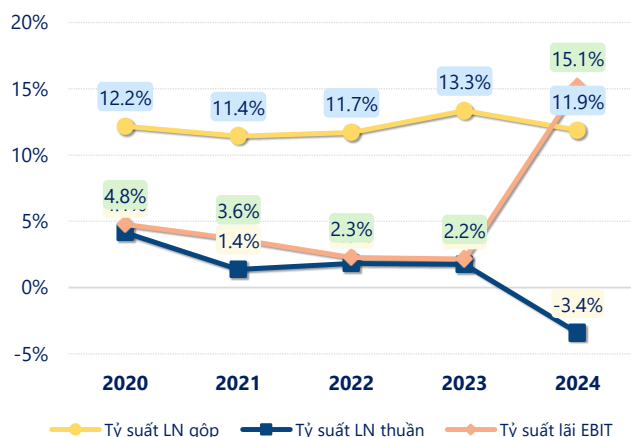


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VWS** năm **2024 giảm đi 3.94** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 2.42 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

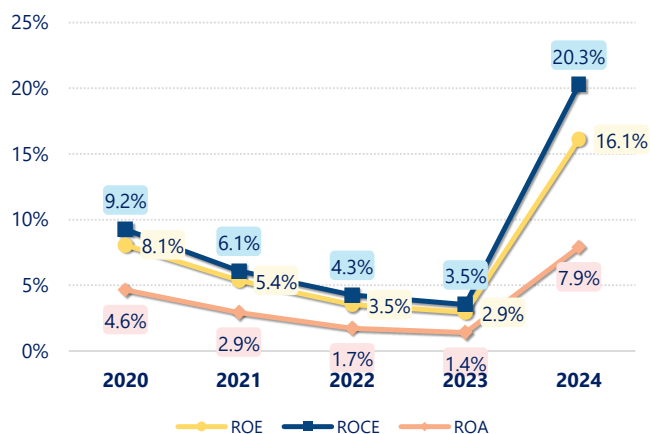
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **11.66** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.08** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VWS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **16.1%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



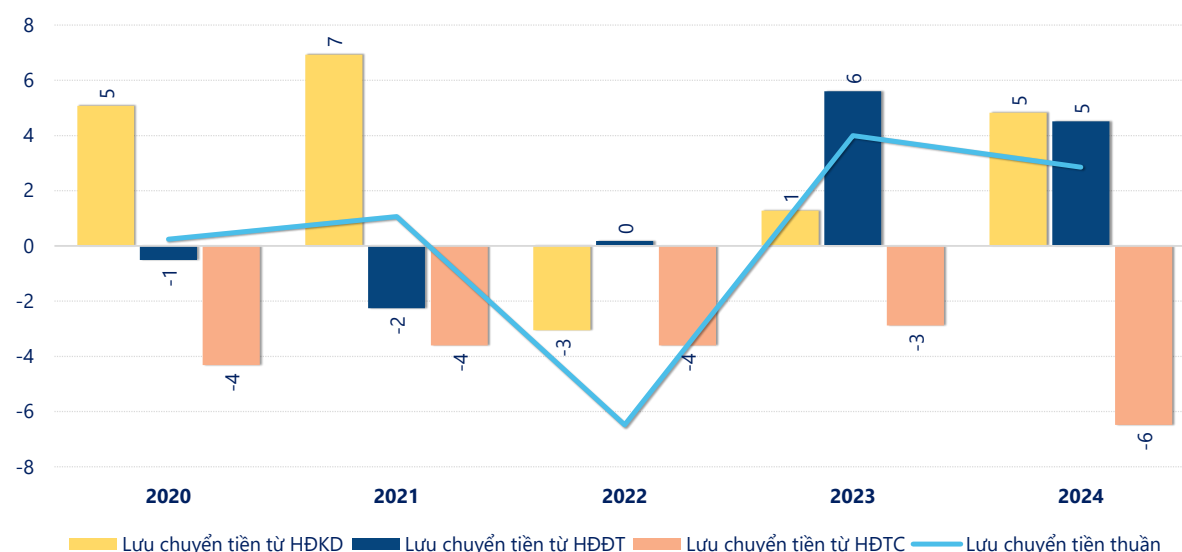
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	111	95.0	102	85.9	70.7
Giá vốn hàng bán	97.5	84.2	90.3	74.5	62.3
Lợi nhuận gộp	13.5	10.9	12.0	11.5	8.41
Doanh thu HĐTC	1.16	0.83	0.75	0.76	0.84
Chi phí TC	0.01	0.01	0.00	0.05	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.1	10.4	10.8	10.7	11.7
LN thuần từ HĐKD	4.60	1.31	1.87	1.52	-2.42
Lợi nhuận khác	0.69	2.15	0.45	0.34	13.1
LN trước thuế	5.30	3.46	2.32	1.85	10.7
Lợi nhuận sau thuế	4.61	3.01	1.90	1.53	8.40
LNST của CĐ cty mẹ	4.61	3.01	1.90	1.53	8.40

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VWS bằng **2.86** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (4.00 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **4.82** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **4.52** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-6.48** tỷ đồng.